TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC L** **TỈNH BẠC L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC L- TỈNH BẠC L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Công Bằng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Dư Thị Út**.

2- Bà **Khưu Liên Dung**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 419/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc T,** sinh năm 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 100/4, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. Chỗ ở hiện nay: Số 232, hẻm 1, đường Cách Mạng, Khóm 8, Phường 1, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. "có mặt"

- Bị đơn: Anh **Trần Tuấn V,** sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 14, đường Lương Đình Của, Lô I, Khóm 6, Phường 1, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Về hôn nhân: chị và anh Trần Tuấn V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7 thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L, số

90, quyển số 07, vào ngày 30/8/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, do vợ chồng không có được tiếng nói chung trong việc kinh doanh cũng như việc giáo dục con, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nay chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Tuấn V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh K, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Trần Minh T, sinh năm 21/5/2014, hiện tại cháu K đang sống cùng anh V, cháu Thư đang sống cùng chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Thư, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu T; chị đồng ý giao cháu Khang cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu Khang do anh V không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Trần Tuấn V trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7 thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L, số 90, quyển số 01, vào ngày 30/8/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do việc kinh doanh buôn bán của vợ chồng gặp khó khăn nên có xảy ra mâu thuẫn nhưng hiện tại anh đã khắc phục lại việc kinh doanh (Quán nhậu Sumo) và quán hiện tại cũng kinh doanh bình thường nên anh tha thiếc mong chị T suy nghĩ lại, quay về để vợ chồng cùng kinh doanh từ đó nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh yêu cầu xin được đoàn tụ với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Trần Minh Thư, sinh năm 21/5/2014, hiện tại cháu Khang đang sống cùng anh, cháu Thư đang sống cùng chị T, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao cháu Thư cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi cháu Thư do chị T không yêu cầu. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Khang, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc L phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét

thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Qua phần trình bày của chị T và anh V, cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị T và anh V có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, chị T cương quyết xin ly hôn, anh V cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

+ Về con chung: Hiện nay cháu Trần Minh K, sinh ngày 15/3/2007 đang sống chung cùng anh V và cháu Trần Minh T, sinh năm 21/5/2014 đang sống cùng chị T, cũng nhằm tránh xáo trộn tâm lý của các cháu cũng như theo nguyện của của hai cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Khang cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Thư cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền ngăn cản. Do các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: do chị T và anh V đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L về việc tuân theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Tuấn V có địa chỉ hiện nay tại số 14, đường Lương Đình Của, Lô I, Khóm 6, Phường 1, thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L.

[2] *Về nội dung khởi kiện:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Tuấn V.

[2.1] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V quen biết nhau hoàn toàn tự nguyện và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7 thành phố Bạc L, tỉnh Bạc L, số 90, quyển số 01, vào ngày 30/8/2006. Nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T cho rằng thời gian

chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, do vợ chồng không có được tiếng nói chung trong việc kinh doanh cũng như việc giáo dục con, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Tuấn V.

Anh Trần Tuấn V cho rằng: Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do việc kinh doanh buôn bán của vợ chồng gặp khó khăn nên có xảy ra mâu thuẫn nhưng hiện tại anh đã khắc phục lại việc kinh doanh (Quán nhậu Sumo) và quán hiện tại cũng kinh doanh bình thường nên anh tha thiếc mong chị T suy nghĩ lại, quay về vợ chồng cùng kinh doanh quán nhậu Sumo và nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh yêu cầu xin được đoàn tụ với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm gia đình phải do từ hai bên vun đắp thì mới có được cuộc sống hôn nhân bền lâu, trong đời sống gia đình luôn có những bất đồng là điều không thể tránh khỏi, nhưng cả hai đã không tìm cách hàn gắn và không có biện pháp giải quyết, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và qua nhiều lần động viên hàn gắn đoàn tụ của Tòa án nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, đồng thời hiện tại giữa chị T và anh V điều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay nhưng anh V vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã nghiêm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T là phù hợp.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 15/3/2007 và cháu Trần Minh Thư, sinh năm 21/5/2014, hiện tại cháu Khang đang sống cùng anh V, cháu Thư đang sống cùng chị T. Chị T và anh V cùng thống nhất khi ly hôn giao cháu Khang cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Thư cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh chị cũng như theo nguyện của của con nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Khang cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Thư cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Trầm và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T và anh V nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và cũng không ai nợ tài sản gì của vợ chồng nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Tuấn V.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 15/3/2007 cho anh Trần Tuấn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu Khang đang sống chung cùng anh V nên được giữ nguyên). Giao cháu Trần Minh Thư, sinh năm 21/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, (hiện cháu Thư đang sống chung cùng chị T nên được giữ nguyên).

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001923 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc L nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án sơ thẩm xử công khai, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Tuấn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc L;
- VKSND thành phố Bạc L;
- Chi Cục THA.DS thành phố Bạc L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Bùi Công Bằng